**BM IV.09-ĐGKQĐT**

…/2024/TT-BKHCN

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| ***…..., ngày…. tháng … năm 20..…*** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ/   
ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP BỘ**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

|  |  |
| --- | --- |
| + Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: |  |
| + Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: |  |
| + Đề án khoa học cấp bộ: |  |

- Thuộc Chương trình:

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia:

- Chức danh khoa học, học vị:

**3. Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Số***  ***TT*** | ***Nội dung đánh giá*** |  | ***Điểm tối đa*** | ***Điểm đánh giá của chuyên gia*** |
| 1 | Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả  (*Đánh giá, chấm điểm theo mức độ đầy đủ, hợp lý, khoa học của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt nhiệm vụ KH&CN và tài liệu cần thiết kèm theo như: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu hướng dẫn…Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô-gíc****)*** |  | **20** |  |
| 2 | Mức độ đạt được về số lượng và chất lượng của sản phẩm dạng I, IV so với hợp đồng  (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng*) |  | **10** |  |
| 3 | Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm dạng II, III so với Hợp đồng  *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng).* |  | **20** |  |
| 4 | Mức chất lượng của các sản phẩm dạng II, III đạt được so với Hợp đồng  *(Đạt điểm tối đa khi chất lượng các sản phẩm đạt yêu cầu so với Hợp đồng)* |  | **30** |  |
| 5 | Kết quả tham gia đào tạo và/hoặc bồi dưỡng nguồn nhân lực  (*Đạt điểm tối đa khi đạt yêu cầu so với Hợp đồng*) |  | **5** |  |
| 6 | Đánh giá về tổ chức thực hiện theo tiến độ:  + Không gia hạn thời gian thực hiện: 5 điểm.  + Gia hạn thời gian thực hiện 01 lần: 3 điểm.  + Gia hạn thời gian thực hiện từ 02 lần trở lên: 0 điểm. |  | 5 |  |
| 7 | Đánh giá về sản phẩm vượt trội: sản phẩm được ứng dụng trong thực tiễn/công bố quốc tế có chất lượng cao/sản phẩm về sở hữu trí tuệ hoặc sản phẩm khác được hội đồng đánh giá vượt trội so với hợp đồng về số lượng, chất lượng |  | 10 |  |
|  | **Cộng** |  | **100** |  |

**4. Xếp loại** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |
| --- | --- |
| * **Xuất sắc:** Khi thuộc 1 trong 2 trường hợp sau: |  |
| - Tổng số điểm từ 90 trở lên và đảm bảo số lượng, khối lượng và chất lượng của sản phẩm đã đăng ký. |  |
| - Khi tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên và đáp ứng một trong các yêu cầu sau: có ít nhất 01 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế có uy tín (WoS/Scopus); sản phẩm vượt về số lượng, chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế-xã hội; kết quả nhiệm vụ được ứng dụng, có khả năng chuyển giao, thương mại hoá sản phẩm; |  |
| * **Đạt:**   Khi tổng số điểm đạt từ 70 điểm trở lên. |  |
| * **Không đạt**:   Khi có tổng số điểm đạt dưới 70 điểm. |  |

1. **Ý kiến đánh giá khác** (nếu có):

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |